

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02/02/2026

V/v “Ly hôn và giải quyết nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Dũng; ông Trần Văn Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2025 về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị H Y, sinh năm 1991; CCCD số: 066191018242 ngày 10/05/2024.

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

- Bị đơn: Anh Y S, sinh năm 1990; CCCD/CMND số: 241550096 ngày 17/8/2011.

Địa chỉ: Buôn J, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H Y trình bày:

Chị và anh Y S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm chăm sóc nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Cháu H A, sinh ngày 14/4/2016 và cháu Y T, sinh ngày 04/4/2019.

Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; không yêu cầu anh Y S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên họp, không gửi bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 6 - Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn chị H Y được ly hôn với bị đơn anh Y S.

- Về con chung: Giao con chung cháu H A, sinh ngày 14/4/2016 và cháu Y T, sinh ngày 04/4/2019 cho chị H Y tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị H Y được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Y S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H Y và anh Y S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn không hợp tác, không tham gia tố tụng để thể hiện thiện chí đoàn tụ.

Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H Y.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là cháu H A, sinh ngày 14/4/2016 và cháu Y T, sinh ngày 04/4/2019.

Xét thấy hiện nay các cháu đang ở với mẹ, chị H Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Đồng thời, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu H A (đủ 07 tuổi trở lên) và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Bị đơn anh Y S vắng mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp không có ý kiến tranh chấp về nuôi con, không tham gia tố tụng để thể hiện điều kiện nuôi dưỡng.

Do đó, để đảm bảo ổn định tâm sinh lý và quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho chị H Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị H Y không yêu cầu anh Y S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Chị H Y là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do đó không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Y được ly hôn với anh Y S.

Về con chung:

Giao cho chị H Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung gồm: Cháu H A, sinh ngày 14/4/2016; Cháu Y T, sinh ngày 04/4/2019.

Anh Y S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H Y được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- UBND xã Đắc Liêng;
- VKSND cùng cấp;
- THA DS;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng